

Số: 74/BC-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 13 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I,
phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023**
(Số liệu tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/3/2023)

Thực hiện Công văn số 508/UBND-VP ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Bắc báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I, phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo điều hành

- Năm 2023, công tác cải cách hành chính tiếp tục được cấp ủy Đảng, chính quyền xã Chi Lăng Bắc quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt và toàn diện. UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch cải cách hành chính, phân công trách nhiệm, quy định mối quan hệ phối hợp của bộ phận nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện. Trên cơ sở đó, UBND xã đã xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể như sau:

+ Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 23/12/2022 về CCHC nhà nước trên địa bàn xã năm 2023.

+ Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 30/12/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc năm 2023;

+ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc.

+ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc công bố công khai số liệu tổng hợp thu chi ngân sách xã năm 2022.

+ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023.

+ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023.

+ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/02/2023 về tuyên truyền thực hiện CCHC nhà nước trên địa bàn xã năm 2023;

+ Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 17/02/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023;

+ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/01/2023 thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc năm 2023.

+ Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 10/02/2023 công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023;

+ Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15/02/2023 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023;

+ Kế hoạch số: 44/KH-UBND ngày 15/02/2023 về xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023.

+ Kế hoạch số: 45/KH-UBND ngày 15/02/2023 về công tác pháp chế trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc năm 2023.

+ Kế hoạch số: 46/KH-UBND ngày 15/02/2023 về thực hiện công tác cải cách tư pháp của xã Chi Lăng Bắc năm 2023.

+ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc;

+ Kế hoạch số: 58/KH-UBND ngày 24/02/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023

+ Kế hoạch số: 59/KH-UBND ngày 24/02/2023 về Triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng năm 2023

+ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 01/3/2023 về Đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc năm 2023.

+ Kế hoạch số: 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 về thực hiện chương trình Phát triển thanh niên và nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về thanh niên năm 2023.

+ Các Quyết định, công văn, kế hoạch đôn đốc triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015,...

Ngoài ra, UBND xã triển khai, chỉ đạo trực tiếp công tác cải cách hành chính tại các hội nghị, cuộc họp hàng tháng của UBND xã.

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm

- UBND xã đã ban hành kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 23/12/2022 về cải cách hành chính nhà nước xã Chi Lăng Bắc năm 2023. Trong đó phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch như: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội để không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác cải cách hành chính.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo kế hoạch có 08 nội dung liên quan CCHC với 36 nhiệm vụ (với 53 hoạt động cụ thể). Tính đến thời điểm 09/3/2023 đã và đang hoàn thành $13/36 = 36,1\%$ nhiệm vụ mà kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời nhắc nhở việc triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn xã thông qua các cuộc họp hàng tháng của UBND xã hoặc nhắc nhở cán bộ, công chức chuyên môn trực tiếp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ngày 10/02/2023, UBND xã ban hành số 41/KH-UBND về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc năm 2023. Xác định các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tuyên truyền hướng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã dưới nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn và từng nhóm đối tượng.

- Đài truyền thanh tiếp tục duy trì phát sóng thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử xã; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, sử dụng có hiệu quả tiện ích của các mạng xã hội có nhiều người sử dụng (Zalo, Facebook,...) để tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin chính sách, quy định mới và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

- Thường xuyên phát tin bài trên hệ thống đài truyền thanh; trong đó chuyên mục phổ biến kiến thức pháp luật được phát đều đặn hàng tuần để người dân nắm được như thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử, đất đai, thừa kế. Đặc biệt là cấp giấy xác nhận, các quyết định hết thời gian cách ly. Trên trang TTĐT của xã có chuyên

trang về các văn bản trong đó cập nhật đầy đủ các văn bản của Trung ương, của tỉnh, huyện, xã.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao:

UBND xã triển khai và chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn tham mưu thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ nhiệm vụ trong các văn bản, Kế hoạch của UBND huyện và chủ tịch UBND huyện giao.

6. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC: UBND xã luôn chỉ đạo cán bộ, công chức UBND xã tích cực nghiên cứu, tìm hiểu đưa ra những sáng kiến, sáng tạo mới trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bên cạnh đó, phối hợp với các đoàn thể, đơn vị, nhất là đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ, hướng dẫn nhân dân thực hiện trình tự các bước nộp hồ sơ trực tuyến khi thực hiện các TTHC trực tuyến tại bộ phận một cửa của UBND xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Việc ban hành các văn bản của HĐND, UBND xã được triển khai theo đúng quy định từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 09/3/2023, HĐND và UBND xã đã ban hành 98 văn bản các loại, không có văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật và thực hiện ngày càng nề nếp theo Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15/02/2023 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 10/02/2023 công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 như: Tuyên truyền ổn định an ninh trật tự trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch bệnh covid...

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/01/2023 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2023. Đến nay, chưa phát hiện có văn bản trái với quy định của pháp luật, một số văn bản chủ yếu sai về thể thức, kỹ thuật trình bày nên đã đề nghị tự sửa đổi cho đúng theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện tốt công việc đột phá năm 2022: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa của xã.

a. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn xã Chi Lăng Bắc; thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các bộ phận, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính; rà soát các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo.

- Trong 3 tháng đầu năm 2023, UBND xã không nhận được trường hợp khiếu nại cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã

b. Về công bố, công khai thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố gồm 140 thủ tục; trong đó TTHC được công khai: 140 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 140 thủ tục;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã tiếp tục công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính và kịp thời niêm yết các thủ tục hành chính khi có sửa đổi, bổ sung của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí, đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử xã giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu, cụ thể như sau:

+ Thông báo số 27/TB-UBND ngày 16/01/2023 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

+ Thông báo số 28/TB-UBND ngày 16/01/2023 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã

+ Thông báo số 35/TB-UBND ngày 27/01/2023 Về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

- Mối quan hệ giữa bộ phận chuyên môn với tổ chức, công dân được cải thiện, thông qua các biện pháp như cải cách TTHC gắn liền với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về

TTHC; TTHC được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và các tổ chức.

c. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tiếp tục duy trì nề nếp thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định:

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận từ 10/12/2022 đến 9/3/2023 là: 716, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 711 (trực tuyến: 679 = 94,8%; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 32); số từ kỳ trước chuyển qua: 05.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 709; trong đó, giải quyết trước hạn: 709, đúng hạn: 0, quá hạn: 0

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 07; trong đó, trong hạn: 07, quá hạn: 0.

- Số hóa hồ sơ (kết quả số hóa TTHC từ 15/12/2022-10/03/2023): số hóa thành phần 668/687=97.23%; số hóa kết quả: 671/693=96.83%.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại xã được đầu tư cơ bản và hiện đại đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- UBND xã thực hiện chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của tỉnh, của huyện; thực hiện tốt các quy chế của cơ quan như Quy chế làm việc; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan UBND xã; Quy chế thi đua, khen thưởng,... Việc quản lý biên chế hành chính đã thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng số cán bộ, công chức được giao là 20, hiện tại có là 20 đ/c. Trình độ chuyên môn: Có 1/20 đ/c có trình độ thạc sỹ; 19/20 đ/c có trình độ Đại học; về lý luận chính trị có 15/20 đ/c có trình độ trung cấp; 5/20 đ/c có trình độ sơ cấp.

- Thực hiện tốt việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND xã duy trì nghiêm túc quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo, công chức UBND xã đảm bảo phù hợp và thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương.

- Hiện nay, việc sắp xếp, bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng số lượng theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã được giao 20 người, hiện có 20 người, trong đó: cán bộ có 10 người, công chức 10 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn có 10/10 người, đạt 100%; Số lượng công chức đạt chuẩn 10/10 người, đạt 100%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được chuẩn hóa về mặt chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào phần mềm quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác.

- Cán bộ, công chức xã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có ai vi phạm bị xử lý kỷ luật.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: UBND xã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023. Hiện nay xã có 1 đồng chí cán bộ đang theo học lớp đào tạo về chuyên môn. Ngoài ra, UBND xã thường xuyên quan tâm tạo điều kiện cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ khi cấp trên tổ chức.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đã tăng tính công khai minh bạch, công khai, dân chủ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác; tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, đồng thời giúp UBND xã chủ động hơn trong sử dụng kinh phí, đáp ứng kịp thời những yêu cầu của công tác chuyên môn.

- Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2023 của xã theo đúng quy định.

- Việc rà soát xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị: UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc sử dụng biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 30/12/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã

Chi Lăng Bắc năm 2023, triển khai thực hiện và từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ điều hành tác nghiệp tại UBND xã và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cán bộ, công chức và đã có sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử.

- Tình hình sử dụng phần mềm dùng chung:

- + Chữ ký số: UBND xã thực hiện chữ ký số 100%; công chức Văn phòng HĐND-UBND xã làm đầu mối quản lý việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại UBND. Việc quản lý và sử dụng Chữ ký số được thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

- + Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện thường xuyên (tiếp nhận 278 văn bản đến); 98 văn bản đi (đạt 100%, trừ văn bản mật) được ban hành qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.

- + Trang thông tin điện tử của xã: hoạt động tốt, cung cấp tin bài thường xuyên, kịp thời và có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã; đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

- + Tình hình thực hiện ISO 9001:2015: Duy trì áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã.

- + Về họp trực tuyến: UBND xã đã triển khai hình thức họp trực tuyến để tiết kiệm thời gian và chi phí, ứng dụng này đã phát huy hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo xã chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính, trọng tâm đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều được quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết đều được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã; trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Ban biên tập trang thông tin điện tử xã cập nhật nhiều tin bài

về cải cách hành chính để người dân, tổ chức có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đều đạt ở mức cao 100% hồ sơ của tổ chức, công dân khi hoàn thành được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng trực tuyến tại hệ thống Dịch vụ công; 100% hồ sơ đạt mức “hài lòng” và “rất hài lòng”.

- Đội ngũ CBCC được quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, các chế độ chính sách, được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

2. Hạn chế

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong việc trao đổi văn bản quản lý nhà nước chưa cao.

- Mặc dù xã đã đẩy mạnh việc tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, công dân nộp hồ sơ trực tuyến nhưng số lượng hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 4 tỉ lệ phát sinh còn thấp. Bên cạnh đó, một số Nhân dân đến giao dịch không có các thiết bị thông minh kết nối internet để thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến, hoặc một số nhân dân cao tuổi, nên khó khăn trong việc hướng dẫn nhân dân nộp hồ sơ trực tuyến.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Một số cán bộ công chức thường xuyên trao đổi trực tiếp, nên việc sử dụng hòm thư công vụ tỷ lệ chưa cao.

- Do trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của một số người dân trên địa bàn xã còn thiếu, nên khó khăn để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2023

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây có khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính. Chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

- Chú trọng trong việc tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện

tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của CP về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan chuyên môn. Triển khai thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại UBND xã.

- Tiếp tục ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến chỉ đạo của UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công chức xã có liên quan;
- Lưu: NV, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Đức

PHỤ LỤC

Thông kê số liệu về kết quả thực hiện công tác CHCC quý I năm 2023
(Kèm theo Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 13/3/2023)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	19	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	36,1	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	13	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Phòng, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	478	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	07	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	140	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	42	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	709	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	709	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số công chức xã) bị kỷ luật	Người		
4.5.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1.500	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).		100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	66	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	66	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	10	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	44	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	44	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	110	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	110	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	716	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	679	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	17	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	